



Batch No./ Số lô SX:
Film coated tablets
Feelnor
Trimetazidine Dihydrochloride 20 mg

INCEPTA PHARMACEUTICAL LTD.
Dhaka, Bangladesh

Film coated tablets
Feelnor
Trimetazidine Dihydrochloride 20 mg

INCEPTA PHARMACEUTICAL LTD.
Dhaka, Bangladesh

Film coated tablets
Feelnor
Trimetazidine Dihydrochloride 20 mg

INCEPTA PHARMACEUTICAL LTD.
Dhaka, Bangladesh

Film coated tablets
Feelnor
Trimetazidine Dihydrochloride 20 mg

INCEPTA PHARMACEUTICAL LTD.
Dhaka, Bangladesh

Exp. Date/HD:

BỘ Y TẾ
CỤC QUẢN LÝ DƯỢC
ĐÃ PHÊ DUYỆT

Lần đầu: 26/ 5/ 2015

Rx Prescription Drug

Feelnor
Trimetazidine Dihydrochloride 20 mg

Film coated tablets

3 x 10 Tablets

Each film coated tablet contains:
Trimetazidine Dihydrochloride 20 mg

**Indications / Dosage & administrations /
Contraindications:**
Please see the enclosed leaflet.
Storage:
Store in a cool dry place, below 30°C.

Keep out of reach of children.
Read carefully the enclosed leaflet
before use.

Rx Thuốc bán theo đơn

Feelnor
Trimetazidine Dihydrochloride 20 mg

Viên nén bao phim

3 vỉ x 10 viên

Mỗi viên nén bao phim có chứa:
Trimetazidine Dihydrochloride 20 mg

Liều lượng & Cách dùng, Chỉ định, Chống chỉ định:
Xin xem tờ hướng dẫn sử dụng bên trong hộp.
Bảo quản: nơi khô ráo, nhiệt độ dưới 30°C.
Tiêu chuẩn: Nhà sản xuất
Sản xuất tại: Bangladesh
Để xa tầm tay trẻ em.
Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng.

Visa No./SDK :
Batch No/ Số lô SX:
Mfg. Date/ NSX:
Exp. Date/ HD:

Thuốc dùng theo sự chỉ định của bác sĩ
Nếu cần thêm thông tin, xin hỏi thêm ý kiến bác sĩ
Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng



FEELNOR 20 mg

Viên nén bao phim Trimetazidin dihydrochlorid 20mg

THÀNH PHẦN:

Mỗi viên nén bao phim có chứa:

Hoạt chất: Trimetazidin dihydrochlorid 20,0mg

Tá dược: Microcrystallin cellulose (Avicel101), Lactose, Povidone (Povidone K 30), Copovidone K 28, Croscarmellose sodium, Colloidal silicon dioxide (Aerosil 200), Magnesium stearate, Hydroxypropyl methylcellulose 15 cps, Hydroxypropyl methylcellulose 5 cps, Titanium dioxide, Polyethylene Glycol 6000, Purified Talc, Erythrosine Red Lake, Polysorbat 80 (Tween 80), Simethicone (30% Emulsion), Nước cất

DƯỢC LÝ VÀ CƠ CHẾ TÁC DỤNG:

Trimetazidin duy trì được chuyển hóa năng lượng của tế bào thiếu oxygen hoặc thiếu máu cục bộ, nên ngăn được sự tụt giảm hàm lượng ATP nội bào. Do vậy, trimetazidin đảm bảo sự hoạt động của các bơm ion, các dòng natri-kali qua màng và duy trì tính hằng định nội môi của tế bào.

DƯỢC LỰC HỌC:

Ở động vật: Trimetazidin giúp duy trì chuyển hoá năng lượng của tim và của các cơ quan thần kinh giác quan khi bị thiếu máu cục bộ hoặc thiếu oxygen-máu; làm giảm nhiễm acid nội bào và các rối loạn về trao đổi ion qua màng tế bào gây ra bởi thiếu máu cục bộ; hạn chế sự di chuyển và thâm nhiễm của bạch cầu đa nhân trung tính vào mô tim bị thiếu máu cục bộ và sau đó được tưới máu trở lại.

Trimetazidin cũng làm giảm kích thích vùng nhồi máu thực nghiệm. Thuốc có tác dụng khi không có bất cứ một tác động trực tiếp nào của huyết động.

ở người: Những nghiên cứu có đối chứng trên những người bệnh bị đau thắt ngực cho thấy trimetazidin làm tăng đáp ứng với gắng sức của mạch vành ngay từ ngày thứ 15 điều trị; làm giảm những thay đổi đột ngột về huyết áp khi gắng sức mà không làm thay đổi nhiều tần số tim; làm giảm rõ rệt tần suất các cơn đau thắt ngực và như vậy giảm nhu cầu về trinitrin. Do đó trimetazidin được dùng để dự phòng cơn đau thắt ngực.

Ngoài ra, trimetazidin còn được dùng trong tai - mũi - họng để bổ sung thêm cho điều trị chứng chóng mặt trong bệnh ménière và chóng mặt do mạch vì trimetazidin đã cải thiện được các nghiệm pháp tiền đình.

Trimetazidin cải thiện được điện võng mạc đồ (ERG), chứng tỏ có sự cải thiện hoạt động chức năng của võng mạc.

DƯỢC ĐỘNG HỌC:

Trimetazidin khi uống được hấp thu rất nhanh và đạt nồng độ đỉnh trong huyết tương trước 2 giờ kể từ khi uống. Nồng độ tối đa của thuốc trong huyết tương, sau khi dùng một liều duy nhất trimetazidin 20 mg, đạt khoảng 55 ng/ml. Trạng thái cân bằng của thuốc trong máu đạt được vào khoảng từ 24 đến 36 giờ sau khi nhắc lại một liều và rất ổn định trong thời gian điều trị. Với thể tích phân bố 4,8 lít/kg cho thấy mức độ khuếch tán tốt của thuốc đến các mô. Tỷ lệ gắn protein thấp, giá trị đo được *in vitro* là 16%. Nửa đời thải trừ của trimetazidin là 6 giờ. Thuốc được đào thải chủ yếu qua nước tiểu dưới dạng chưa chuyển hoá.

CHỈ ĐỊNH:

Feelnor được chỉ định trong các trường hợp:

- Bệnh tim thiếu máu cục bộ (đau thắt ngực, di chứng của nhồi máu)
- Hỗ trợ điều trị triệu chứng chóng mặt và ù tai
- Điều trị hỗ trợ tình trạng giảm thị lực nặng và rối loạn trường thị giác có nguồn gốc do bệnh mạch máu.

LIỀU LƯỢNG VÀ CÁCH DÙNG:

Uống 1 viên /lần x 2-3 lần/ngày, uống cùng bữa ăn.

Không nên dùng thuốc cho trẻ em vì độ an toàn và hiệu quả của thuốc chưa được thiết lập trên trẻ.

CHỐNG CHỈ ĐỊNH:

Trường hợp mắc cảm hoặc không dung nạp với Trimetazidin.

Mẫn cảm với bất cứ thành phần nào của thuốc.

THẬN TRỌNG:

Thận trọng khi dùng thuốc cho người đang mang thai, cho con bú, nên cân nhắc giữa hiệu quả và hậu quả.

SỬ DỤNG Ở PHỤ NỮ MANG THAI, CHO CON BÚ:

Phụ nữ có thai: các nghiên cứu trên động vật không cho thấy Trimetazidin có khả năng gây quái thai. Tuy nhiên do thiếu các dữ liệu lâm sàng và vì lý do an toàn, không nên dùng thuốc trong thời gian mang thai.

Phụ nữ cho con bú: Không có thông tin về khả năng bài tiết vào sữa của Trimetazidin. Tuy nhiên, người mẹ nên ngừng cho con bú nếu việc dùng thuốc là rất cần thiết.

SỬ DỤNG THUỐC KHI ĐANG LÁI XE VÀ VẬN HÀNH MÁY MÓC: Chưa có báo cáo.

TƯƠNG TÁC THUỐC:

Hiện nay chưa thấy có tương tác với thuốc nào. Trimetazidin không phải là 1 thuốc gây cảm ứng cũng như không phải là một thuốc gây ức chế enzyme chuyển hoá thuốc ở gan và như vậy có nhiều khả năng trimetazidin không tương tác với nhiều thuốc chuyển hoá ở gan.

Dù sao vẫn cần thận trọng theo dõi khi phối hợp với một thuốc khác.

TÁC DỤNG PHỤ:

Nhìn chung, Trimetazidin là an toàn và được dung nạp tốt. Tác dụng ngoại ý thường gặp nhất là khó chịu ở dạ dày, đau đầu và chóng mặt. Các tác dụng ngoại ý này thường nhẹ và không đặc trưng.

QUÁ LIỀU: Không thấy có báo cáo.

ĐÓNG GÓI: Hộp 3 vỉ x 10 viên.

TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG: Nhà sản xuất.

BẢO QUẢN: Bảo quản nơi khô ráo, nhiệt độ dưới 30°C.

ĐỂ THUỐC TRÁNH XA TẦM TAY TRẺ EM.

HẠN DÙNG: 60 tháng kể từ ngày sản xuất. Không dùng thuốc đã quá hạn sử dụng ghi trên bao bì.

Nhà sản xuất : INCEPTA PHARMACEUTICALS LTD.

Dewan Idris Road, Zirabo, Savar, Dhaka Bangladesh.

Phân phối bởi: Công ty TNHH Dược phẩm và Thiết bị Y tế Phương Lê

B2 Lô 15 Khu Đô Thị Mới Định Công, quận Hoàng Mai, Hà Nội.



